

NHỮNG CUNG BẠC TIẾNG CƯỜI TRONG MỘT SỐ TRUYỆN NGẮN CỦA NGUYỄN HUY THIỆP

Nguyễn Thị Hồng¹

TÓM TẮT

Tiếng cười trào lộng là một trong những nét đặc sắc của văn chương Nguyễn Huy Thiệp. Nó chứa đựng cảm quan nghệ thuật của ông. Nhà văn có khả năng sáng tạo tiếng cười với nhiều cung bậc và màu sắc khác nhau. Những sáng tạo ấy thể hiện sự tinh tế trong cảm nhận đời sống. Nguyễn Huy Thiệp rất thành công trong việc thể hiện thế giới tư tưởng và nghệ thuật trong sáng tác của mình. Ông xứng đáng là một trong những người đi tiên phong và để lại ấn tượng nhất trong văn học thời kỳ đổi mới.

Từ khóa: Nguyễn Huy Thiệp, truyện ngắn, những cung bậc tiếng cười

1. Đặt vấn đề

Văn học dân tộc Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử từ văn học dân gian đến văn học trung đại và hiện đại đã để lại cả một rừng cười. Tiếng cười thể hiện sự thông minh, sức mạnh và phẩm chất của con người. Tiếng cười là vũ khí phê phán thói hư, tật xấu và đấu tranh chống các lực lượng phản động. Nó là phương tiện đấu tranh xã hội rất hiệu quả, là cầu nối văn hóa giữa các dân tộc, giữa quá khứ và hiện tại. Trong văn học Việt Nam hiện đại, các nhà văn luôn có sự tìm tòi nhằm thể hiện cách diễn đạt của mình về cái Chân - Thiện - Mỹ của đời sống. Một trong những con đường ấy là cách sử dụng tiếng cười như một phương tiện phổ biến và hữu dụng. Chúng tôi tìm hiểu những cung bậc tiếng cười trong một số truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp là đi tìm một cái riêng của nhà văn trong dòng mạch chung ấy. Từ đó giúp người đọc có thể thấy được sự tiếp nối truyền thống và những sáng tạo độc đáo của nhà văn đi

tiên phong trong làn gió đổi mới của văn học Việt Nam đương đại.

Trong văn học, tiếng cười mang giá trị xã hội sâu sắc, nhằm phát hiện bản chất của đối tượng để tìm cách uốn nắn, sửa chữa đối tượng đó. Trong truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, tiếng cười xuất hiện với nhiều cung bậc khác nhau. Sự đa dạng này phụ thuộc vào tính chất nhiều màu vè của đối tượng gây cười lẫn chủ thể cười như: tiếng cười khôi hài thân thiện mang cảm hứng khẳng định, tiếng cười trào phúng mang cảm hứng phủ định và tiếng cười bi cảm mang màu sắc hoài nghi.

2. Nội dung

2.1. Tiếng cười khôi hài mang cảm hứng khẳng định

Tiếng cười khôi hài (còn gọi là humor) là tiếng cười thể hiện thái độ cảm xúc về tính mâu thuẫn của đối tượng, trong đó sự đánh giá thẩm mỹ có sự kết hợp cái nghiêm túc với cái buồn cười. Khôi hài mang sắc thái nhẹ nhàng, tươi vui và ý vị. Tiếng cười

¹Trường Đại học Đồng Nai
Email: nghong78@gmail.com

khôi hài không giống như cái cười mỉa mai hay châm biếm. Lại Nguyễn Ân khẳng định tiếng cười khôi hài là: “Một dạng của cái hài; một thái độ cảm xúc về tính mâu thuẫn của đối tượng, trong sự đánh giá thẩm mỹ có sự kết hợp tính nghiêm túc với cái đáng cười, tiếng cười ở đây nghiêng về tính tích cực” [1, tr. 134]. Loại tiếng cười này xuất hiện khá nhiều ở sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp như: *Chuyện ông Móng, Đòi thế mà vui, Những bài học nông thôn, Muối của rừng, Đất quên...*

Người đọc sẽ được thư giãn khi bắt gặp những tiếng cười khôi hài của các nhân vật trong trang văn Nguyễn Huy Thiệp. Độc giả chứng kiến cảnh ông Diều (*Muối của rừng*) hăm hờ đi săn vì có súng tốt, rất tự tin vào kinh nghiệm. Ông “nai nịt, mặc quần áo ấm, đội mũ lông và dận đôi giày cao cổ” nhưng kết cục ông lại bị tự nhiên lột sạch, chẳng những súng mà cả “mảnh giáp” trên người cũng không còn: “Ông cứ trần truồng như thế, cứ cô đơn như thế mà đi” [2, tr. 74]. Tiếng cười bật lên vui vẻ, vừa cảm thông vừa thâm thúy.

Trong cuộc sống hiện đại, con người đang có nguy cơ mất dần những vẻ đẹp tự nhiên, thuần khiết. Tuy nhiên đâu đó, ở một góc nông thôn xa xôi, Nguyễn Huy Thiệp vẫn tìm kiếm được những nụ cười hồn nhiên, trong sáng của những người bình dân thuần hậu. Người đọc sẽ bật cười khi chứng kiến cảnh bố Lâm đuổi theo cánh diều một cách say mê mặc dù ông đã hơn 60 tuổi

rồi. Ông say mê đến buồn cười, tới mức quên mình đang làm gì: “Ông cười trần truồng, buộc túm chiếc quần lên cổ, một tay ôm lấy bộ hạ rồi lội xuống nước, lặn thẳng một hơi đến giữa dòng sông mới nhô đầu lên” [2, tr. 137]. Người dân quê hồn nhiên trong cả suy nghĩ và lời nói. Họ không ngần ngại sử dụng cái tục để diễn đạt những ý tứ của mình. Câu chuyện đối thoại giữa những người trong gia đình Lâm mới nghe không tránh khỏi đỏ mặt bởi những ngôn từ có phần tục tĩu. Tuy nhiên đằng sau tiếng cười ấy quả thật người đọc nhận ra những bài học nông thôn. Bài học về sự hồn nhiên từ nếp sinh hoạt có phần tự nhiên nhưng lại giữ được tâm hồn con người trong sáng. Những con người mà cả một đời không ra khỏi lũy tre làng lại có thể thấu hiểu đời sống một cách giản dị mà lại rất sâu sắc: “Chị Hiền mời: “Các cụ xơi tự nhiên.” Thăng Tiến đòi: “Cho em làm các cụ với!” Mẹ Lâm gạt đi: “Hỗn nào! Chim to bằng quả ớt thế thì làm các cụ ra sao.” Cái Khanh bụm miệng cười. Tôi đỏ mặt. Bà Lâm thở dài: “Các cụ toàn chim to...” Mọi người cười lăn. Chỉ có bố Lâm không cười” [2, tr. 134].

Người bình dân có những nét thô kệch nhưng cũng hết sức đáng yêu. Không ai có thể nín được cười khi nghe một anh dân cày dặn dò vợ bằng thứ ngôn ngữ bỗ bã lại tổ chức thành thơ lục bát du dương đầy màu sắc tình cảm chủ nghĩa: “Thương anh em giấu trong lòng. Xin em chớ có lòng thông với ai”.

Họ nói tục nhưng người đọc vẫn có thể thông cảm bởi sự chân thực, hồn nhiên của người dân: “Thôi mẹ đi về đi, bảo vệ an toàn cái hăm, chờ tới một năm sau tới về” [2, tr. 109].

Nguyễn Huy Thiệp chỉ ra những nét buồn cười cho thấy sự hồn nhiên, chất phác của con người nhưng cũng ẩn chứa lời ngầm giễu về những thói tật của họ. Đó có thể là thói mất vệ sinh của người dân quê khi được mời đến dự sinh nhật không quen ăn bánh bơ: “dùng tay nhón bánh bỏ vào mồm, dây bơ ra cả ngón tay, thấy bẩn lại rơi xuống chiếu” (*Giọt máu*). Hay khi yêu nhau, người ta cứ nhất thiết phải nói dối nhau bằng những điều hoa mỹ như Cần làm nghề cắt tóc nhưng “khi yêu Sinh anh nói anh nói anh làm nghề dịch vụ” (*Không có vua*). Thấy người thân chết, ông BỔNG hồn nhiên khóc hu hu thương xót nhưng ngay sau đó cũng thể hiện lối thực dụng hồn nhiên không kém: “Mất mẹ bộ xa lông. Ai lại đi đóng quan tài bằng gỗ dổi bao giờ? Bao giờ bốc mộ cho chú bộ ván” [2, tr. 26].

Nguyễn Huy Thiệp hướng ngòi bút trào phúng của mình vào một vài nét tính cách nào đó của nhân vật khiến cho nhân vật không bị hạ thấp mà trái lại còn được nâng cao lên. Người ít chữ như ông Gia có lý luận về con đường văn chương khoa cử nghe thật buồn cười nhưng cũng thật thú vị vì những điều vốn cao siêu, trừu tượng, có khi lại được hiểu giản dị đến không ngờ: “Ông Bình Chi bảo: “Văn chương có nhiều

thứ lắm. Có thứ văn chương hành nghề kiếm sống. Có thứ văn chương sửa mình. Có thứ văn chương trốn đời, trốn việc. Lại có thứ văn chương làm loạn”. Ông Gia bảo: “Tôi hiểu rồi. Tôi làm nghề đồ tể tôi biết. Cũng như có thịt mỡ, thịt thủ, thịt sấn, thịt dọi. Nhưng cũng là thịt cả thôi” (*Giọt máu*).

Cô Phượng lại tư duy một cách rất đơn sơ về “văn hóa sống”: “Cô Phượng bảo tôi: “Có lẽ ở thế hệ trước thì cha anh tôi cũng giống như anh bây giờ. Họ mang đủ thứ cho chúng tôi, trước hết là vật chất, trừ mỗi thứ là văn hóa sống”. Tôi hỏi: “Văn hóa sống là gì?” Cô Phượng nói: “Tôi cũng nghĩ rất nhiều nhưng kết luận có lẽ chỉ một chữ thôi: “sướng!”” [2, tr. 104].

Chuyện ông Móng là một ví dụ tiêu biểu cho tiếng cười khôi hài của Nguyễn Huy Thiệp. Ngay từ những dòng đầu tiên tác giả đã làm người đọc phải bật cười khi miêu tả một chủ đề hết sức bất ngờ, có thể nói có một không hai trong văn chương từ xưa tới nay: Chuyện phân giao ở một phiên chợ phân bắc, phân chuồng và một con người “xưa nay chưa từng thấy” với cái nghề độc nhất vô nhị. Ông Móng thực sự là người nghệ sĩ trong nghề “thẩm định” phân. Tiếng cười nở ra không dứt qua mỗi dòng tác giả miêu tả ông Móng, một vị nhạc trưởng, như người giữ nhịp điệu cho cả phiên chợ quái đản này:

“Có mấy người đôi co về hai sọt phân của một phụ nữ. Người phụ nữ này ăn mặc quần áo như một nhân viên

Công ty vệ sinh. Người phụ nữ cầu cứu “ông chủ chợ”:

- Bác Móng! (ông chủ chợ) đến gần xem xét. Ông ta dùng một cái gấp phân bằng cật tre, trông hơi giống một cái đĩa cả sục sâu vào đáy sọt phân rồi rút ra, đưa lên mũi ngửi...

Ông Móng bảo:

- Phân của mày hôm nay không đậm như phân hôm qua! Nát nhẽo nát nhèo... Thôi thì giảm đi một giá...

Người phụ nữ bảo:

- Cháu gánh kéo kẹt suốt từ ngoài cửa ô đến đây, nặng oi là nặng...

Ông Móng bảo:

- Cho chết! Ai bảo tham mức nhiều nước vào... Mày phải chặt cho kiệt nước đi thì phân mới ngon!” [2, tr. 525].

Đúng như ý câu thơ của Nguyễn Du: “Nghề này thì ấy ông này tiên sư”, chính “trình độ chuyên môn” tuyệt vời của ông Móng ở cái nghề vốn đầy mặc cảm của người làm, đầy định kiến của xã hội tạo ra sự bất ngờ hứng thú. Tiếng cười đồng nghĩa với sự “chiêu tuyết” cho một công việc nhọc nhằn, bần thủ. Tình huống truyện gây cười nhưng cách sử dụng ngôn từ của nhà văn còn buồn cười hơn. Nguyễn Huy Thiệp đúng là nghệ sĩ ngôn từ, làm xiếc trên dây khi ngang nhiên dùng những khái niệm thuộc phạm trù ăn uống vào chợ phân: danh từ “đũa cả”, tính từ chỉ tính chất “ngon”, “chua”, “đậm”, “nhẽo”... Ông không chỉ đưa phân vào chuyện đời thường mà trong

cả những chuyện tưởng như vốn thanh cao và thiêng liêng:

“Móng đòi cô gái trao thân. Cô gái bắt Móng phải thề chung thủy với cô. Nửa đùa nửa thật, Móng thề:

- Nếu tôi không chung thủy với em thì suốt đời tôi đi hót cút” [2, tr. 527].

Như vậy, với Nguyễn Huy Thiệp thì ngay trong tiếng cười hài hước cũng không vô tư, cũng sa đà vào tự nhiên chủ nghĩa. Chuyện ông Móng khiến họ “ghê ghê”, nhiều người đỏ mặt khi nghe triết lý thiên về cái Tục của bà Lâm. Một người hay đùa như Trần Đăng Khoa cũng lớn tiếng mỉa mai: “Nguyễn Huy Thiệp là người có công đưa cút tươi vào trong văn học” hay “Nguyễn Huy Thiệp thích văng tục” [3]. Đó là những phản ứng trước các yếu tố dung tục về ngôn từ mà Nguyễn Huy Thiệp đã “vấp” phải trong một số truyện *Phẩm tiết, Trương Chi, Đòi thế mà vui...* Hiển nhiên, những truyện tục tĩu gắn liền với đời sống bản năng của con người nếu không dùng để chuyển tải một trí tuệ, một ý nghĩa nào đó thì không có ý nghĩa xã hội. Ngay cả những truyện sử dụng yếu tố “tục” để phản phong cũng không phải là những truyện hay nhất. Văng tục với kẻ thù không phải là biện pháp tốt nhất để thắng nó. Là nhà dân chủ với ngôn từ, Nguyễn Huy Thiệp đã thành công trong công việc sáng tạo tiếng cười công phá thói tật của con người bằng ngôn ngữ và ở một chừng mực nào đấy, người đọc ghi nhận ý nghĩa đích đáng của tiếng

cười áy. Tuy vậy cũng có khi ông thiếu chừng mực, rơi vào cực đoan, tạo ra những phản cảm không đáng có.

2.2. Tiếng cười trào phúng mang cảm hứng phủ định

Trào phúng trong sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp có rất nhiều cấp độ, hướng vào từng loại đối tượng khác nhau. Tiếng cười ấy đôi khi chỉ là sự mỉa mai, không lộ liễu, gay gắt nhưng ở một cấp độ cao hơn nó trực diện châm biếm, đả kích sâu cay với mục đích phủ định.

2.2.1. Tiếng cười mỉa mai

Tiếng cười mỉa mai là biến dạng của cái cười nhạo hài hước. Nó mang sắc thái nhẹ nhàng hơn so với tiếng cười châm biếm. Là cách nói bóng gió biểu thị sự chế giễu ranh mãnh ẩn sau mặt nạ đồng ý, tán thưởng. Nhà nghiên cứu Lại Nguyên Ân cho rằng: “Mỉa mai giống hài hước về các thành tố nhưng khác về quy tắc trò chơi, về mục tiêu, hiệu quả”; “bản chất của mỉa mai là thuần túy diễn trò”; “Cái đáng cười bị giấu dưới mặt nạ nghiêm trang, ưu thế thuộc về thái độ tiêu cực đối với đối tượng” [1, tr. 134]. Đối tượng mỉa mai chủ yếu được xây dựng trên những nét tiêu cực. Tiếng cười mỉa mai có tính chiến đấu khá mạnh mẽ trong sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp. Ông dùng tiếng cười mỉa mai không nhiều, chỉ vài chi tiết điểm xuyết trong câu chuyện, tác giả cũng tạo nên được hiệu quả thẩm mỹ bất ngờ. Nguyễn Huy Thiệp có tài làm lộ ra từ những gì quen thuộc, cái mâu thuẫn, sự vênh lệch đáng cười như

vênh lệch giữa cái *hữu danh - vô thực*; giữa cái bề ngoài hào nhoáng che đậy - cái sơ sài bên trong hoặc những khuyết tật của lối sống, của tâm hồn đạo đức con người.

Đó là tiếng cười khi Bường phát hiện ra những lỗ bịch của cái hữu danh vô thực, cái sự “treo đầu dê bán thịt chó” không chỉ làm cho “văn chương nước ta rôm rả thật” mà là một thực tế đang đầy rẫy trong đời sống:

“Cái thằng nào nghĩ ra cái tên Bình Minh ở đất khi ho cò gáy này thật là một thằng bịp bợm khôn nạn”. Lại bảo: “Cái tên hiệu nó ghê lắm nhé. Vùng ma thiêng nước độc thì tên là Tương Lai, Bình Minh, Tân Lập, Đoàn Kết, Tự Cường! Kêu cứ như chuông! Mấy thằng bán quán, khách vào thì chém cổ lại đặt tên là Bình Dân với Thanh Lịch! Còn mấy thằng bán thuốc bắc nạo thai con gái lại đặt tên là Hồi Xuân với Cứu Thế! Văn học nước mình rôm rả thật!” [2, tr. 110].

Người đọc bật cười vì thói hiếu danh, vô lối, hợm hĩnh của Thiệu Hoa khi bắt tài, vô đạo đức mà lại ham muốn với đời: “Một hôm Thiệu Hoa bảo Phong: “Có tay nhà thơ bán tập bản thảo hay hay, tôi định ghi tên của ông rồi cho xuất bản”. Phong trừng mắt bảo: “Nhảm nhí! Rõ chuyện đàn bà. Danh hiệu nhà thơ là thứ danh hiệu nởm người bạc phúc. Thơ chỉ là thứ du dương bắt lặc. Khi nào nó vui hơn hớn thì chẳng ra gì”. Thiệu Hoa hỏi: “Thế tôi bảo nó chữa lại rồi ghi tên tôi được không?” Phong bảo:

“Đàn bà không có thơ đâu. Thơ là những tâm sự lớn. Đàn bà thì tâm sự gì. Thơ phải cao cả. Mỗi tháng các bà hành kinh một lần thì cao cả gì”. Thiệu Hoa đỏ mặt” [2, tr. 287 - 288].

Nguyễn Huy Thiệp khai thác triệt để sự chênh lệch giữa *danh* và *thực* để làm lộ ra những tiếng cười kín đáo có ý nghĩa nhận thức sâu sắc. Lão Kiền (*Không có vua*) mắng con bằng những lời lẽ thật độc địa nhưng làm người đọc hình dung được thói ăn uống dung tục của Đoài và Khảm: “Quân trí thức bây giờ toàn phường phàm phu tục tử”. Mía mai ở chỗ Đoài và Khảm là đại diện cho những trí thức, những con người mang danh văn hóa nhưng lại có trình độ văn hóa dưới mức bình thường.

Mượn cái nhìn của một nhân vật văn học cổ điển - Tổng Cốc - trong *Chút thoáng Xuân Hương*, Nguyễn Huy Thiệp đưa ra hình ảnh một mệnh phụ phu nhân bán mình lấy 200 quan tiền để đánh bạc. Qua đó người đọc thấy vô cùng thú vị khi phát hiện ra chân tướng của những kẻ “trời cho cái mẽ bề ngoài, để che đậy cái sơ sài bên trong”. Bà quận chúa ham chơi mà không đủ tiền đã không ngần ngại bán mình cho một kẻ nếu bình thường dưới mắt bà chỉ là một kẻ “phàm phu tục tử”. Đã thế, sáng hôm sau lại còn ốm ờ để vót vát chút sĩ diện: “Ta ngủ với ông mà cứ kinh hoàng tưởng như ông hiếp dâm ta”. Tiếng cười mỉa mai ở đây đã nâng lên tầm chế giễu, phê phán khi cái kẻ “phàm phu tục tử” ấy trả lời

bà ta bằng một cái phẩy tay lạnh lùng: “Tâu quận chúa, việc mua bán đã xong rồi” [2, tr. 299].

Tiếng cười mỉa mai trong sáng tác Nguyễn Huy Thiệp bắt đầu hướng vào phơi bày sự thực ở những cấp độ nhẹ nhàng. Con người trong đời sống luôn bị những định kiến làm cho lầm lẫn. Bao nhiêu người đã ngưỡng mộ danh hiệu thi nhân: “Là thi sĩ nghĩa là ru với gió. Mơ theo trăng và vợ vẫn cùng mây”. Ai biết rằng các “vị thần thơ ca” ấy cũng có người có lúc chỉ là anh si tình nghèo kiệt xác, phải giờ trò quỵt tiền trợ: “Bà Hai Thoan quay vào trong phòng. Ông khách lạ đã bỏ đi từ lâu rồi, có mỗi cái cặp số vút lại. Bà Hai Thoan mở cặp, thấy trong ấy có một đôi quần lót phụ nữ để trong hộp giấy bóng kính loại 30 nghìn đồng một đôi, hàng chợ của Thái Lan mới nhập vào trước Tết ít ngày.

Bà Hai Thoan cười:

- Chẳng lẽ hành trang của các thi nhân chỉ thế này sao? Thôi cũng được, ít nhất nó cũng không tầm thường như bọn phàm phu tục tử chỉ biết có tiền” [2, tr. 487].

Tiếng cười mỉa mai toát lên từ cái nhìn đầy vị tha, độ lượng của những con người “ít học” nhưng tâm hồn lại vô cùng đôn hậu.

Những chi tiết trong truyện của Nguyễn Huy Thiệp cứ vụn vặt, tiện đâu ghi đấy rất khách quan nhưng người đọc sẽ phải bật cười vì những so sánh, liên tưởng thú vị mà chúng gợi lên sẽ đánh động lòng người đọc một điều gì

đó giản dị mà nghiêm túc. Truyện ngắn *Sang sông* tiêu biểu cho tiếng cười mỉa mai của Nguyễn Huy Thiệp. Hàng loạt những mâu thuẫn giữa cái *có* và *không*, giữa cái *danh* và cái *thực*... được phơi bày qua tình huống phép thử: đưa bé lọt tay trong cái bình cổ đe dọa sự an toàn của bọn buôn đồ cổ làm chúng tức giận. Khi đó, những kẻ luôn nói điều cao siêu lại hóa ra là vô dụng, hèn nhát.

Nhìn chung, mỉa mai trong sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp là một loại tiếng cười tích cực, nó đi liền với ý thức của nhà văn về văn chương và về cách sống. Tiếng cười có tính chất tái sinh mạnh mẽ vì khuynh hướng phủ định của nó nhẹ nhàng. Nó giúp người ta nhận diện được những cái thiếu sót, cái đáng cười, cái cần thay đổi. Tiếng cười giúp con người tiếp cận được với chân lý hơn.

2.2.2. Tiếng cười châm biếm

Tiếng cười châm biếm là dạng thức tiếng cười phổ biến nhất trong sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp. Nó có tác dụng phủ nhận đối tượng từ trong bản chất của nó. Phê phán, tố cáo quyết liệt nhất đối với những gì xấu xa, phi lý tồn tại trong xã hội. Theo Bô-rép - nhà mỹ học hiện đại Nga: “Loại châm biếm tố cáo quyết liệt tất cả những gì không phù hợp với lý tưởng chính trị, thẩm mỹ và đạo đức tiến tiến của thời đại. Nó cười nhạo đầy căm hờn tất cả những gì cản trở việc thực hiện tốt đẹp những lý tưởng cao quý đó. Thái độ châm biếm phủ nhận hoàn toàn hiện tượng bị cười nhạo và dùng lý tưởng nằm ngoài hiện

tượng này để đối lập với nó” [4, tr. 498]. Tiếng cười châm biếm xuất hiện rất nhiều trong sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp. Qua mỗi dòng văn miêu tả lạnh lùng, người đọc dễ dàng nhận thấy sự không khoan nhượng của nhà văn trước những gì lố bịch, khả ố. Chẳng hạn, những kẻ hèn nhát, tham lam nhưng đạo đức giả như những người đàn ông ở bản Hua Tát. Trước mặt dân làng thì họ đóng vai đứng đắn, kết án nạng Bua luôn “rít lên những tiếng khinh rẻ qua kẽ răng” nhưng trong bụng “thực ra lại cười cợt, thèm thuồng... nước dãi nhỏ ra bên khóe mép, đôi mắt long lanh, trơn tuột” [2, tr. 221].

Đạo đức giả đã trở thành một căn bệnh phổ biến trong xã hội. Nhiều nhà văn cùng thời với Nguyễn Huy Thiệp như Nguyễn Minh Châu, Ma Văn Kháng, Lê Lựu, Tạ Duy Anh, Nguyễn Thị Thu Huệ... đã không ngần ngại tấn công vào thói tật này. Nguyễn Huy Thiệp là một trong những nhà văn nhiệt tình với việc đả phá mọi thứ giả dối. Từ điểm nhìn trực tiếp và gián tiếp qua lời các nhân vật, sự châm biếm toát lên với nhiều cung bậc khác nhau. Một vị vua “độc đoán” như Gia Long mà cũng cảm thấy ghê sợ và kinh tởm khi ông nhận ra bọn quan quân đã bố trí cuộc đi săn cho ông như thế nào: “Cái lũ chó ấy, chúng nó chuẩn bị cả rồi, chỗ nào Trẫm đi qua thì chúng thả thú ra” (*Vàng lửa*). Những vị trí thức giả như Đoàn, Khảm của thời hiện đại không ngần ngại lừa người thân để bộc lộ thói giả nhân, bạc nghĩa.

Khi có người họ hàng hỏi bố đi đâu thì nói bố đi tảo mộ mẹ. Nhưng thực chất “Nếu mà ông ấy biết mộ mẹ ở đâu thì có mà trời sập”.

Quan sát đời sống gia đình thời hiện đại, Nguyễn Huy Thiệp nhận thấy thói đạo đức giả tạo nên nhiều nghịch lý buồn cười đến xót xa. Lối sống sùng bái đồng tiền, bất chấp đạo lý cũng là đối tượng quan trọng của tiếng cười châm biếm của Nguyễn Huy Thiệp. Tiếng cười pha vị chua chát trước hiện trạng vì đồng tiền mà con người có thể bán rẻ linh hồn của mình cho quỷ dữ. Người đọc không chỉ cười mà thực sự cảm thấy ghê tởm trước hình ảnh một trí thức trẻ (*Huyền thoại phố phường*) vì muốn được lòng kẻ có tiền mà không ngần ngại, thọc tay xuống rãnh nước bẩn thỉu để mò chiếc nhẫn. Khát vọng có tiền khiến anh ta làm tình với cả người đàn bà ngang tuổi mẹ mình. Tiền không còn là phương tiện nữa. Tiền đã trở thành mục đích sống, là “vua”. Đồi và Khảm (*Không có vua*) là hai kẻ có học, một là sinh viên, một là công chức nhưng cũng sẵn sàng bán mình cho đồng tiền. Theo Đồi, muốn thoát khỏi thân phận nhục nhã, chỉ có cách lấy vợ giàu. Tiếng cười trong *Không có vua* phơi bày sự suy thoái đạo đức đến cùng cực. Con người sống như ma quỷ. Ma quỷ sống chung với con người, đến một lúc nào đó sẽ không thể nào phân biệt được đâu là quỷ, đâu là người. Phía sau tiếng cười gay gắt đó là nỗi buồn, nỗi lo âu nặng trĩu.

Truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp còn khắc họa chân dung nhiều kẻ tha hóa với quyền lực. Tiếng cười phát ra từ những vênh lệch bởi “đôi khi quyền lực nằm trong tay lớn ngoài sức chứa của một con người” (*Vàng lửa*). Khát vọng quyền lực một cách thái quá sẽ trở thành tham vọng, cao hơn là cuồng vọng thì nó đẩy con người đến những hoạt động điên rồ, những ứng xử lố bịch.

Nguyễn Huy Thiệp không cười dễ dàng hay tùy tiện. Tiếng cười của ông bắt rất nhạy vào người có địa vị xã hội hoặc trí thức giả. Trong sáng tác của ông, nhân vật trí thức đa phần đều đáng cười, thậm chí đáng ghét. Có thể kể đến khá nhiều nhân vật như vậy: sinh viên như Khảm (*Không có vua*), Hạnh (*Huyền thoại phố phường*), công chức Bộ Giáo dục như Đồi, những nhà thơ, nhà tiên tri, nhà sư “có tài tiên tri thấu thị” (*Sang sông*); chủ bút một tờ báo như Phong (*Giọt máu*)... Họ đều có cái vẻ bề ngoài sang trọng, đúng mực “sạch sẽ”, nói năng hoa mỹ, nhiều triết lý cao siêu. Thế nhưng thực chất, hèn kém cũng là họ, nhếch nhác cũng là họ, độc ác cũng là họ, giả dối đê tiện cũng là họ. Thậm chí trong nhiều nhân vật cái xấu, cái ác kinh khủng đến khó tưởng tượng. Mặc dù đôi chỗ Nguyễn Huy Thiệp đã không tránh khỏi cái nhìn định kiến, cực đoan nhưng qua họ - những gương mặt trí thức, nhân cách trí thức có phần tầm thường đi nhiều so với điều mà mỗi dân tộc kỳ vọng ở tầng lớp tinh hoa của dân tộc mình. Nguyễn Huy Thiệp cười

họ để mà giúp họ thức tỉnh, ông đánh vào lòng tự trọng của họ, tàn nhẫn với họ vì coi trọng vai trò trí thức đối với dân trí.

Có thể khẳng định, châm biếm trong sáng tác Nguyễn Huy Thiệp là một phương tiện để đấu tranh xã hội. Trong tiếng cười phủ định, nhà văn đã sáng tạo được những nội dung mang tính lý tưởng phổ quát, có ý nghĩa xã hội rộng lớn. Vì vậy nhà văn đã tạo nên tiếng cười khỏe khoắn, với năng lực phục sinh mạnh mẽ.

2.3. Tiếng cười bi cảm mang sắc thái hoài nghi

Tiếng cười mang sắc thái bi cảm là tiếng cười tiếp cận với cái bi. Tiếng cười mang sắc thái bi cảm không chỉ là sự mỉa mai, châm biếm đối tượng đang bị phủ nhận mà sau cái cười ấy, người ta hoang mang, tuyệt vọng vì nhận ra cái đáng cười cũng là cái khủng khiếp, khó bề thay đổi.

Trong nhiều tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp, xen lẫn những tiếng cười ồn ào vui nhộn, những tiếng cười mỉa mai, giễu cợt hay châm biếm sâu cay là những tiếng cười “cười dở, mỉa dở”. Loại tiếng cười này để lại nhiều suy nghĩ trăn trở trong lòng người đọc.

Tiếng cười bi cảm gắn với việc phát hiện những nghịch lý của cuộc sống. Con người điên cuồng chạy theo những dục vọng, những lý tưởng nhưng không phải lúc nào cũng gặt hái được những thành công. Tham vọng càng mạnh, thất bại càng lớn. Đó là việc Đặng Phú Lân

bị vua Gia Long tuyên án tử hình: “Người theo hầu ta thế là chín năm một trăm ngày, chín năm không làm hỏng một việc gì, còn một trăm ngày thì hỏng việc, vô tích sự. Thế là trèo cây mà không hái được quả, đáng tội chết” (*Kiểm sắc*). Nhà văn chỉ ra cái đáng thương của Đặng Phú Lân, một đời nhọc lòng theo đuổi ý nguyện của cha phò mặt minh chúa. Cuối cùng chết vì chính sự tàn nhẫn của “minh chúa”. Các vị vua Quang Trung (*Phẩm tiết*), Nguyễn Ánh (*Vàng lửa*) đều bị cầm tù bởi quyền lực của mình. Nguyễn Ánh sống giữa triều đình “là một khối cô đơn khổng lồ” với những ao ước bất ngờ “ta chỉ thích như người thường thôi” bởi ông luôn phải đóng kịch, phải giả dối trong mọi hành động. Quang Trung khi ở đỉnh cao vinh quang đã hỏi Vinh Hoa: “Vận Tây Sơn được mấy đời?” Ai chẳng nghĩ câu trả lời của Vinh Hoa là xác xược: “Sao không hỏi được mấy ngày?” Thế mà oái oăm thay, đây lại là sự thực. Ông Phủ Vĩnh Tường làm quan thanh liêm “không cho họ hàng nhờ vả được gì” đến lúc chết phải thuê người khóc mướn. Sự hà khắc, hách dịch, độc tài của tri huyện Thặng lại đảm bảo cho địa hạt hấn cai quản sự bình yên và quan trên hài lòng. Lý lẽ của hấn thật trắng trợn: “Đệ chỉ không thích được nghĩa công bằng mâm cơm của đệ với chúng” nhưng lại khó bác bỏ nên ám Huy đành bi phần mà kêu lên “ông đúng một cách khôn kiếp...” [2, tr. 306].

Chúng ta sẽ không còn cười được nữa khi chứng kiến cảnh sống đáng kinh sợ của những con người trong một thế giới tưởng chừng như không có một trật tự nào nữa. Đó là thế giới “không có vua” - cha không ra cha, con chẳng ra con, anh em, chồng vợ lẫn lộn trong những mối quan hệ mập mờ đen trắng. Lòng được cái bi vào trong cái hài, Nguyễn Huy Thiệp đã tiếp cận được một khuynh hướng khá đặc biệt của văn học hiện đại mới, chia sẻ cảm giác lo âu của con người trước một trạng thái sống bất ổn và đầy bất trắc, ở đó “cái ác thường sừng sững và lẫm liệt”, cái thiện thì “thường cả tin và ngu ngơ”, thường mỏng manh, yếu ớt như Nguyễn Minh Châu từng nhận xét.

Cảm quan trước những sự điên rồ của con người xui khiến Nguyễn Huy Thiệp sáng tạo tiếng cười đặc biệt - tiếng cười ma quỷ. Đây là một tiếng cười mang màu sắc nghịch dị. M. Bakhtin trong *Lý luận và thi pháp tiểu thuyết* đã giải thích: “Khi tiếng cười pha lẫn vị cay đắng chuyển hóa thành cái nghịch dị, nó thu lượm những âm sắc của tiếng cười bóng bô vô sỉ và cuối cùng, tiếng cười ma quỷ” [5, tr. 226].

Tiếng cười bi cảm xuất hiện không nhiều trong sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp. Tuy vậy mỗi khi nó xuất hiện, người đọc không khỏi rùng mình và lo âu, giống như cảm giác của cậu bé giàu mơ mộng, say đi tìm một vẻ đẹp huyền thoại về con trâu đen nơi bến đò Cốc bị bọn người đánh cá độc ác đập vỡ ước

mơ trẻ thơ đã thấy “lòng cộn lên những bức bối và chua xót lạ” (*Cháy đi sông ơi*). Tiếng cười bi cảm mang sắc thái hoài nghi không cho con người hả hê. Nó xót xa vì đổ vỡ niềm tin, nó làm con người sợ hãi vì sự bất lực của cái tốt, cái thiện.

Tiếng cười nghịch dị - bi đát trong tác phẩm Nguyễn Huy Thiệp góp phần thể hiện rõ hơn hiện tại u tối của những thân phận người đói, khổ, cùng cực và đáng sợ hơn là ngu muội. Nó cũng biểu trưng cho một nét nghĩa quan trọng của nghịch dị thời hiện đại: “Hình tượng nghịch dị muốn nói đến không phải nỗi sợ chết mà là nỗi sợ sống” (Bakhtin). Đó là tiếng cười sảng sặc của Cún khi được “hít vôi hít vàng cái mùi đàn bà quỵến rũ. Chưa bao giờ Diệu lại ở gần Cún như thế” (*Cún*). Tiếng cười vang lên dư vị hạnh phúc xót xa, đáng thương. Nó cũng đáng sợ vì chút hạnh phúc nhỏ nhoi dường như khiến Cún phát điên lên, mặc kệ máu trong miệng đang trào ra “nếu Cún biết hát thì Cún sẽ hát”. Nó cứa vào trái tim như ám ảnh một bi kịch không được làm người.

Tiếng cười của nhân vật “tôi” trong *Thương nhớ đồng quê* cũng thấp thoáng âm hưởng của bi kịch. “Tôi bảo mẹ tôi: “Con muốn ra đồng bắt ếch. Mưa này có nhiều ếch”. Mẹ tôi bảo: “Con không sợ sấm sét ư con?” Tôi cười. Mẹ tôi chẳng hiểu nụ cười của tôi đâu. Tôi cười như một tên thô phi, cười như một gã nặc nô, cười như một tên quỷ sứ cười móng chân tay mình sao lại đen dài như

thế”. Tiếng cười ấy vang lên như báng bổ cái chết, báng bổ nỗi sợ hãi bởi sống còn đau hơn chết: *Trăm năm lần lộn khóc cười/ Kiếp éch kiếp người cay hơi đắng cay...*” [2, tr. 190].

Tiếng cười bi cảm mang màu sắc hoài nghi là một nét riêng, độc đáo trong nghệ thuật kể chuyện của Nguyễn Huy Thiệp. Đằng sau tiếng cười ấy là cả nỗi đau, sự hoài nghi, tâm trạng lo lắng, thái độ bất hòa với thực tại nhiều bất ổn. Đưa tiếng cười tiếp cận với cái bi, nghệ thuật gây cười của Nguyễn Huy Thiệp không có nguy cơ rơi vào bi kịch, bởi bên cạnh tiếng cười bi cảm bao giờ cũng là tiếng cười hài hước, humor. Tiếng cười hài hước giữ cho ngòi bút phê phán Nguyễn Huy Thiệp ở trạng thái cân bằng. Điều đó góp phần tạo nên sự phong phú, mới mẻ cho văn học thời kỳ đổi mới.

3. Kết luận

Những cung bậc tiếng cười trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp thực sự đa dạng, đa sắc thái ý nghĩa. Với những khám phá ban đầu về ý nghĩa của tiếng cười, chúng ta thấy được sự đóng góp lớn lao của nhà văn trong sự đổi mới quan niệm về con người và cuộc sống. Tiếng cười của Nguyễn Huy Thiệp nằm trong cảm hứng trào lộng chung của văn học thời kỳ đổi mới song cũng có cái duyên riêng. Mặc dù ít quan tâm đến cái cười mua vui giải trí nhưng ngay từ những chi tiết hài hước, humor đến những cái cười châm biếm đả kích sâu cay, Nguyễn Huy Thiệp qua mỗi dòng trào lộng đã để lại những ấn tượng đậm nét trong lòng người đọc về một ngòi bút tinh tế, sâu sắc, chứa đựng những tư tưởng nhân văn, nhân đạo thâm trầm, giản dị mà có sức đánh động sâu sắc tới nhân sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lại Nguyên Ân (2004), *150 thuật ngữ văn học*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội
2. Đỗ Hồng Hạnh (tuyển chọn) (2006), *Nguyễn Huy Thiệp – Tuyển tập truyện ngắn*, Nhà xuất bản Sài Gòn
3. Trần Đăng Khoa, Nguyễn Văn Thọ (2004), “Bàn về Nguyễn Huy Thiệp”, <http://vanhienviettoc.freeservers.com/vanthiep-khoatho.htm>, (1/2/2018)
4. Bôrép (1997), *Những phạm trù mỹ học cơ bản*, Nhà xuất bản Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, Hà Nội
5. M. Bakhtin (1992), *Lý luận và thi pháp tiểu thuyết* (Phạm Vĩnh Cư tuyển chọn, dịch và giới thiệu), Bộ văn hóa Thông tin và Thể thao - Trường viết văn Nguyễn Du, Hà Nội

THE MODES OF LAUGH IN SHORT STORIES OF NGUYEN HUY THIEP**ABSTRACT**

A satirical style is one of the most special features of the literature of writer, Nguyen Huy Thiep. It contains his observation of art. The writer confirmed his efficiency by creating the modes and the color of the laugh in differences. Those express his fine perception of life. He succeeded in express of a field of his thought and art in his works. He deserved to be one of the pioneers and most impressed with the literature of the renovation stage.

Keywords: *Nguyen Huy Thiep, short stories, the modes of laugh*

(Received: 16/2/2018, Revised: 2/3/2018, Accepted for publication: 12/3/2018)